

Bản án số: **212/2025/HC-PT**

Ngày: 18-04-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi
thường, hỗ trợ tái định cư*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: Ông **Đinh Phước Hòa**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 41/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 851/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X** – sinh năm 1967, bà **Phạm Thị Thanh N** - sinh năm 1979. Địa chỉ: **Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Lý Mạnh D** – sinh năm 1971; địa chỉ: **B D, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo pháp luật: ông **Cao Đình H** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà **Đỗ Thị H1** – Trưởng phòng Tư pháp UBND thành phố Tuy Hoà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên);

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường I (Nay là phường E):

+ Ông **Võ Phước T** – Phó chủ tịch UBND phường E; có mặt.

+ Bà **Trần Thị Ngọc B** - Công chức địa chính phường I (cũ); có mặt

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Xuân Đ** - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

3. Ban Q đất thành phố T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Văn P** – Phó Giám đốc Ban Q đất thành phố T; có mặt.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 30/10/2023 UBND thành phố T đã ra Quyết định thu hồi đất của vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** tại thửa đất số 919, tờ bản đồ 256C tại phường I, thành phố T với diện tích 100m², loại đất ở đô thị. Ngày 08/11/2023 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 5187/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho vợ chồng ông **X** khi thu hồi thửa đất trên với tổng giá trị 1.216.656.140 đồng (trong đó: Bồi thường về đất 1.000.000.000đ, bồi thường về nhà và công trình 212.554.140 đồng và bồi thường về cây trồng 4.102.000 đồng).

Vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** hiện không có đất ở, nhà ở tại địa bàn phường I, thành phố T. Căn cứ luật đất đai 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 29/02/2021 của UBND tỉnh P thì gia đình ông **X**, bà **N** được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở. Thực tế thì gia đình ông **X**, bà **N** có nhu cầu đất ở và không đồng ý nhận tiền bồi thường.

Do đó, vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND thành phố T “Về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh, phường I, thành phố T (đợt 6)” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N.
- Hủy một phần Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố T “V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với: Huỳnh Khắc X và Phạm Thị Thanh N trúng giải tỏa Dự án: Hồ điều hòa H3 và hạ tầng xung quanh phường I, thành phố T (đợt 6)” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N.
- Buộc UBND thành phố T lập phương án giao đất tái định cư cho vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N theo đúng quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ điều hòa H3 và hạ tầng xung quanh phường I, thành phố T.

Ngoài ra người khởi kiện không còn yêu cầu nào khác.

Người bị kiện UBND thành phố T trình bày: Đối với nội dung ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố T “V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với: Huỳnh Khắc X và Phạm Thị Thanh N trúng giải tỏa Dự án: Hồ điều hòa H3 và hạ tầng xung quanh phường I, thành phố T (đợt 6)” là không có cơ sở xem xét, bởi vì:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông Cao Văn N1 và bà Huỳnh Thị Kim Á được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 933853, số vào sổ CH 00335, ngày cấp 28/4/2010, tại thửa đất số: 919, TĐĐ 256C, diện tích 100,0 m², loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT). Ông Cao Văn N1 và bà Huỳnh Thị Kim Á chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chỉnh lý tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2019.

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Công ty TNHH T2 với diện tích 100,0 m²; Diện tích trúng giải tỏa: 100,0 m²; Diện tích còn lại: 0,0 m². Loại đất: ODT. Nhà cửa vật kiến trúc: Không bị lập biên bản vi phạm hành chính.

Quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Ngày 18/01/2020, UBND thành phố T ban hành kế hoạch số 59/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm để thực hiện dự án Hồ Đ và hạ tầng xung quanh và Thông báo số 837/TB-UBND ngày 18/3/2020 của UBND thành phố T

về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ điều hòa hồ sơn và hạ tầng xung quanh; Trên cơ sở biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi đất để thực hiện Dự án, các giấy tờ có liên quan ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N và theo trích biên bản họp xét nguồn gốc đất của UBND phường I ngày 28/8/2023 ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N đủ điều kiện bồi thường theo Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Đối với dự án Hồ Đ và hạ tầng xung quanh do Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên là chủ đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố T, vị trí tái định cư đã được UBND tỉnh P ban hành thông báo số 81/TB-UBND ngày 10/3/2020 kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh- Nguyễn Chí H2 tại cuộc họp bàn về công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ Đ và hạ tầng xung quanh và Hồ chứa nước M có nội dung: “*lưu ý: Bố trí tái định cư tại chỗ đối với 16 hộ chính (diện tích 80m² và bố trí vào khu tái định cư tập trung đối với 10 hộ phụ*”.

Căn cứ Điều 74 Luật đất đai. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

“1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. 3....”

Như vậy, dự án Hồ Đ và hạ tầng xung quanh UBND tỉnh kết luận về quỹ đất để tái định cư, không có quỹ đất để giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi. Căn cứ các quy định nêu trên và Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh P V/v Phê duyệt giá đất cụ thể (phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Xác định vị trí thửa đất thu hồi của ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N thuộc vị trí 4, loại đất ở đô thị, đơn giá 10.000.000 đồng/1m² Trung tâm Phát triển quỹ đất tính toán bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất thu hồi với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại phiếu đóng góp ý kiến của ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N đề nghị đền bù đất ở và gia đình có nhu cầu được bồi thường đất ở tái định cư của Luật và của dự án, không có nhu cầu được bồi thường bằng tiền. Ngày 30/5/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp I và UBMTTQVN Phường 9 tổ chức đối thoại giải thích ý kiến đóng góp với phương án dự thảo. Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã hoàn chỉnh hồ sơ, trình phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm

định, trình UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Ngày 30/10/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4736/QĐ-UBND V/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hồ điều hòa Hồ sơn và hạ tầng xung quanh. Theo đó, thu hồi 100,0m² đất ở đô thị của ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N (thường trú khu phố L, xã B thành phố T) thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ địa chính số 256-C, tại Phường I, thành phố T.

Ngày 30/10/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4742/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.216.656.140 đồng (Bồi thường về đất 1.000.000.000 đồng; Bồi thường về cây trồng 4.102.000 đồng; Bồi thường về nhà, công trình 212.554.140 đồng) .

Ngày 08/11/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5187/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N với số tiền là 1.216.656.140 đồng. Hiện nay, ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N chưa nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Như vậy, UBND thành phố T đã tính toán, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N là đúng quy định.

Đối với yêu cầu Buộc UBND thành phố T lập phương án giao đất tái định cư cho gia đình ông là không có cơ sở xem xét, bởi vì: Theo báo cáo số 78/BC-UBND ngày 14/7/2020 của UBND phường I kết quả thực hiện Thông báo số 2043/TB-UBND về kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố- Nguyễn Lê Vi P1 tại cuộc họp làm việc với Ban quản lý các dự án Đầu tư xây dựng tỉnh xác nhận ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N không sinh sống ổn định tại nơi có đất bị thu hồi, vợ chồng ông đang ở và buôn bán thuốc tây tại D T, phường F, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi nhà nước thu hồi đất.

Theo báo cáo số 97/BC-UBND ngày 21/5/2024 của UBND phường F cung cấp: ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N đang sinh sống tại D T, phường F, thành phố T. Không đăng ký tạm trú và hộ khẩu thường trú tại địa chỉ D T, phường F. Ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N là đảng viên đang sinh hoạt theo quy định số 213 của Bộ C tại chi bộ khu phố T, phường F .

Ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N được UBND thành phố T cấp giấy CNQSD đất số CD 577036, sổ vào sổ 00854, tại thửa đất số: 9, tờ bản đồ số 17, diện tích: 137,9m², loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT); Diện tích xây dựng: 81m², diện tích sàn 141,42m², địa chỉ D T, Phường F, TP T.

- Theo Công văn số 70/UBND ngày 06/6/2024 của xã UBND xã B cung cấp: ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú thôn L, xã B nhưng hiện nay không sinh sống tại địa phương, không có nhà ở nào trên địa bàn xã B.

Như vậy, theo báo cáo của UBND xã B, phường F và phường I Ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú thôn L, xã B nhưng không có ở tại nơi đăng ký hộ khẩu; không có ở tại nơi có đất bị thu hồi phường I mà ở tại địa chỉ D T, phường F.

- Căn cứ khoản 1 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

“1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai ít nhất là 15 ngày tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư.

Nội dung thông báo gồm địa điểm, quy mô quỹ đất, quỹ nhà tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, căn hộ, giá đất, giá nhà tái định cư; dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi” thì ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N không thuộc đối tượng di chuyển chỗ ở.

Do vậy, UBND phường I họp xét trường hợp ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N không đủ điều kiện đề nghị bố trí tái định cư cho ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N.

Từ các căn cứ và quy định nêu trên Ban Q đất lập phương án bố trí tái định cư trình UBND thành phố T phê duyệt không có trường hợp ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện hợp pháp của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của đại diện UBND thành phố T.

- Đại diện hợp pháp của Ban Q đất thành phố T trình bày: Ngày 18/3/2020 UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Hồ Đ và hạ tầng xung quanh.

Ngày 06/4/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T (nay là Ban Q đất thành phố T) phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh đối với ông Huỳnh Khắc X, địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30/10/2023 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4742/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh. Đồng thời, cùng ngày UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 4736/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh. Theo đó, thu hồi 100m² đất, loại đất ở tại đô thị của ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N (thường trú: Thôn L, xã B, thành phố T), thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ địa chính số 256C, tại Phường I, thành phố T. Ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.216.656.140 đồng. Ngày 08/11/2023 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5187/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Khắc X và Phạm Thị Ngọc T1 với số tiền 1.216.656.140 đồng.

- Đại diện hợp pháp của UBND phường I, thành phố T trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Được UBND thành phố T cấp giấy CNQSD đất cho ông Cao Văn N1 và bà Huỳnh Thị Kim Á, giấy CNQSDĐ số BA 933853, sổ vào sổ CH 00335, ngày cấp 28/4/2010, tại thửa đất số: 919, TĐĐ 256C, diện tích 100,0 m², loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT). Ông Cao Văn N1 và bà Huỳnh Thị Kim Á, chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Khắc X và bà Phạm Thị Thanh N được Chi nhánh VPĐK đất đai thành phố T chỉnh lý tại trang 3 GCNQSDĐ ngày 29/7/2019.

Đối chiếu hiện trạng sử dụng đất so với GCNQSDĐ: Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Công ty TNHH T2, được gia đình xác nhận thì hiện trạng sử dụng đất với diện tích 100,0 m²; Diện tích trùng giải tỏa: 100,0 m²; Diện tích còn lại: 0,0 m². Loại đất: ODT.

Nhà cửa vật kiến trúc: Không bị lập biên bản vi phạm hành chính.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường về đất: Căn cứ Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở và bố trí tái định cư, thì trường hợp ông Huỳnh Khắc X có hộ khẩu thường trú thôn L, xã B, vị trí bị ảnh hưởng dự án ông không trực tiếp sinh sống, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở và đã được UBND thành phố bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với tổng số tiền là: 1.216.656.140 đồng gồm: Bồi thường về đất: 1.000.000.000 đồng; Bồi thường về cây trồng: 4.102.000 đồng; Bồi thường nhà và công trình: 212.554.140 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158; khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348, 358 Luật tổ tụng hành chính; Điểm a Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P; Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến; Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến; Khoản 2, Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N về việc:

- Huỷ một phần Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND thành phố T “Về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh, phường I, thành phố T (đợt 6)” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N.
- Huỷ một phần Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố T “V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với: Huỳnh Khắc X và Phạm Thị Thanh N trúng giải tỏa Dự án: Hồ điều hòa H3 và hạ tầng xung quanh phường I, thành phố T (đợt 6)” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N.
- Buộc UBND thành phố T lập phương án giao đất tái định cư cho vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N theo đúng quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ điều hòa H3 và hạ tầng xung quanh phường I, thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 23/7/2024 người bị kiện UBND thành phố T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** khởi kiện yêu cầu: hủy một phần Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của **UBND thành phố T** “Về việc *Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh, phường I, thành phố T (đợt 6)*” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N**; hủy một phần Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của **UBND thành phố T** “V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với: **Huỳnh Khắc X** và **Phạm Thị Thanh N** trúng giải tỏa Dự án: **Hồ điều hòa H3** và hạ tầng xung quanh **phường I, thành phố T (đợt 6)**” liên quan đến yêu cầu giao đất tái định cư của vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N**. Buộc **UBND thành phố T** lập phương án giao đất tái định cư cho vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** theo đúng quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: **Hồ điều hòa H3** và hạ tầng xung quanh **phường I, thành phố T**. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 32, Điều 116 và Điều 129 Luật tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về hành vi hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành

chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện là hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T thì thấy:

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nhu cầu bồi thường bằng đất ở (tái định cư) của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N, Hội đồng xét xử xét thấy;

Thực hiện Dự án: Hồ Đ và hạ tầng xung quanh, UBND thành phố T thu hồi toàn bộ diện tích đất ở và nhà ở của vợ chồng ông Huỳnh Khắc X, bà Phạm Thị Thanh N (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 933853 do UBND thành phố T cấp ngày 28/4/2010). Trong quá thu hồi bồi thường thì vợ chồng ông X, bà N có nhu cầu được bồi thường bằng đất ở (tái định cư) và tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện vẫn có nhu cầu này. Ngoài chỗ ở này thì vợ chồng ông X, bà N không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường I (nơi có đất bị thu hồi).

Theo quy định của pháp luật, tại Điểm a Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định “Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền” (tương ứng khoản 4 Điều 111 Luật đất đai 2024 “Hộ gia đình, cá nhân có đất ở, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 95 của Luật này thì được bồi thường bằng giao đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư hoặc tại địa điểm khác phù hợp”.

Tại Điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;”.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P thì cũng thấy quy định

“Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/ngphi-dinh-47-2014-nd-cp-boi-thuong-ho-tro-tai-dinh-cu-khi-nha-nuoc-thu-hoi-dat-230624.aspx>” \o “Nghị định 47/2014/NĐ-CP” \t “_blank” 47/2014/NĐ-CP diện tích thu hồi đất ở lớn hơn diện tích đất ở tái định cư được giao...”

[2.2] Đối chiếu các quy định trên thì trường hợp vợ chồng ông **Huỳnh Khắc X**, bà **Phạm Thị Thanh N** đủ điều kiện để Nhà nước bồi thường bằng đất ở (tái định cư) khi nhà nước thu hồi đất ở của vợ chồng ông. Tuy nhiên tại Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của **UBND thành phố T** “Về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: **Hồ Đ** và hạ tầng xung quanh, **phường I, thành phố T (đợt 6)**”, **UBND thành phố T** chỉ bồi thường bằng giá trị với số tiền 1.216.656.140 đồng mà không xem xét nhu cầu được bồi thường đất tái định cư của vợ chồng ông **X**, bà **N** khi nhà nước thu hồi đất ở nên dẫn đến Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của **UBND thành phố T** “V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với: **Huỳnh Khắc X** và **Phạm Thị Thanh N** trúng giải tỏa Dự án: **Hồ điều hòa H3** và hạ tầng xung quanh **phường I, thành phố T (đợt 6)**” cũng không xem xét nhu cầu được bồi thường đất tái định cư của vợ chồng ông **X**, bà **N** là chưa đúng nguyên tắc bồi thường được quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật đất đai làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện ông **Huỳnh Khắc X** và bà **Phạm Thị Thanh N** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người bị kiện **UBND thành phố T** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Do Người bị kiện là **UBND thành phố T** bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004419 ngày 06/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Thái